



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 35
8. Phụ lục	36 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần thiết bị điện là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên thiết bị điện theo Quyết định số 0466/QĐ-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3600253826 ngày 06 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 5 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 21 tháng 12 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<i>Cổ đông</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam)	76.800.000.000	64,00
Công đoàn công ty	2.850.000.000	2,38
Nhân viên công ty	14.438.170.000	12,03
Cổ đông khác	25.911.830.000	21,59
Cộng	120.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (84-61) 3 836 443 – 3 836 609

Fax : (84-61) 3 836 070

E-mail : thibidi@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : 360253826

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty cổ phần thiết bị điện tại TP. Hồ Chí Minh	824 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần thiết bị điện tại Hà Nội	27 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao hạ áp;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao hạ áp;
- Thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
- Cho thuê văn phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000548 ngày 27 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.	51,00%
Công ty liên doanh Thibidi (Cambodia)	Lô P1-003, Đặc khu kinh tế Phnom Penh, đường số 4, quận Angsnuol, tỉnh Kandal, Campuchia	Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 385/BKH-ĐTRNN ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	63,75%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 35).

Trong năm, Công ty cổ phần thiết bị điện đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 12 tháng 3 năm 2011 và tạm chia cổ tức tạm chia cổ tức năm 2011 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 11 tháng 11 năm 2011 như sau:

Trích lập các quỹ năm trước	15.896.000.000 VND
Chia cổ tức năm trước	18.000.000.000 VND
Tạm ứng cổ tức năm nay	21.600.000.000 VND
Cộng	55.496.000.000 VND

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần thiết bị điện trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Chủ tịch	29 tháng 12 năm 2009	-
Ông Lương Văn Trường	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Minh Cường	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Cao Hoàng Phát	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Thái Văn Đung	Trưởng ban	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Trung	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Bà Nguyễn Hồng Ngọc	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	-

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Thanh Nguyên	Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Lương Văn Trường	Phó Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Cao Hoàng Phát	Phó Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Giám đốc	01 tháng 05 năm 2011	-
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Giám đốc	01 tháng 08 năm 2011	-

34744
NG T
NHIỆM HỮ
M TOÁN
CỬ VÃ
TP HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần thiết bị điện đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

Ngày 16 tháng 7 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0645/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty cổ phần thiết bị điện bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (Công ty mẹ) và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh số I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08 tháng 4 năm 2012, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện thông tin học điện tử cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Như đã trình bày ở thuyết minh I.6, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn chưa bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty liên doanh Thibidi (Cambodia) do Công ty này chưa có Báo cáo tài chính. Chúng tôi không có đủ thông tin để đánh giá mức độ ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



[Handwritten signature]

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2012

[Handwritten signature]

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		655.259.009.787	639.899.850.765
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	141.030.631.546	148.450.977.655
1. Tiền	111		46.030.631.546	57.450.977.655
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.000.000.000	91.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.582.416.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3.582.416.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		127.009.305.104	100.721.341.380
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	97.996.842.586	79.517.905.047
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	35.128.616.824	26.999.434.753
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	5.981.477.204	4.705.006.972
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(12.097.631.510)	(10.501.005.392)
IV. Hàng tồn kho	140		379.449.097.774	381.156.970.884
1. Hàng tồn kho	141	V.7	382.085.135.325	386.086.749.868
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(2.636.037.551)	(4.929.778.984)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.187.559.363	9.570.560.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		96.000.000	62.370.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.949.597.985
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.21	-	1.032.735.790
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	4.091.559.363	6.525.857.071

102
CỔ
SÁCH
KIỂM
T

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129.421.473.218	102.996.115.397
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		83.045.735.376	70.952.665.782
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	67.813.621.446	70.128.417.856
<i>Nguyên giá</i>	222		166.987.433.538	154.095.533.829
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(99.173.812.092)	(83.967.115.973)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	132.113.930	824.247.926
<i>Nguyên giá</i>	228		506.727.200	1.172.065.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(374.613.270)	(347.817.274)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	15.100.000.000	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		27.992.825.111	16.250.504.871
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	23.890.825.111	12.148.504.871
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	4.102.000.000	4.102.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.382.912.731	15.792.944.744
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	5.501.062.672	3.918.287.687
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	3.881.850.059	2.874.657.057
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	9.000.000.000	9.000.000.000
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		784.680.483.005	742.895.966.162

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		577.403.483.721	533.770.633.398
I. Nợ ngắn hạn	310		575.794.684.153	532.617.766.707
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	435.608.781.397	364.225.613.102
2. Phải trả người bán	312	V.19	27.200.746.716	85.622.082.833
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	13.433.427.242	23.085.393.287
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	29.704.322.496	17.100.563.208
5. Phải trả người lao động	315	V.22	36.409.986.184	35.630.578.671
6. Chi phí phải trả	316	V.23	11.787.832.212	4.803.772.975
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	21.527.915.751	3.900.519.009
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	121.672.155	(1.750.756.378)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		1.608.799.568	1.152.866.691
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	141.783.640
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.13	1.182.636.840	734.905.051
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		426.162.728	276.178.000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		188.508.758.794	188.894.665.505
I. Vốn chủ sở hữu	410		188.508.758.794	188.894.665.505
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	120.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	1.549.860.247	1.549.860.247
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.26	(2.201.151.170)	(2.201.151.170)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	6.774.368.179	4.226.368.179
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	12.123.319.950	6.720.319.950
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.26	433.500.000	229.500.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	49.828.861.588	58.369.768.299
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.27	18.768.240.490	20.230.667.259
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		784.680.483.005	742.895.966.162

B-C
Y
JU H
V VÀ
N
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.290.975.419.227	1.112.581.784.198
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	1.397.289.388	1.224.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.289.578.129.839	1.111.357.784.198
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.031.317.143.257	905.977.350.186
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		258.260.986.582	205.380.434.012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.143.774.508	9.504.237.482
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	67.028.415.895	43.021.533.415
Trong đó: chi phí lãi vay	23		58.825.455.268	38.019.213.630
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	53.421.536.490	41.275.572.319
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	49.256.343.036	36.299.613.422
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		98.698.465.669	94.287.952.338
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.477.412.212	180.158.541
12. Chi phí khác	32	VI.8	919.221.504	13.996.874
13. Lợi nhuận khác	40		558.190.708	166.161.667
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		99.256.656.377	94.454.114.005
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	28.754.808.618	24.219.567.609
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.148.976.642)	196.793.930
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>71.650.824.401</u>	<u>70.037.752.466</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		14.211.132.562	12.506.213.481
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		57.439.691.839	57.531.538.985
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>4.843</u>	<u>4.805</u>

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2012



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		99.256.656.377	94.454.114.005
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	15.233.492.115	11.920.582.476
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	(697.115.315)	5.282.164.384
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	245.361.008	(893.210.975)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(6.172.946.233)	(6.002.580.618)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	58.825.455.268	38.019.213.630
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		166.690.903.220	142.780.282.902
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.839.583.725)	54.223.294.190
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.001.614.543	(29.520.221.808)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(60.179.404.547)	(76.207.977.425)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.616.404.985)	3.176.802.862
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(55.160.980.728)	(37.629.480.429)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(21.685.545.824)	(24.605.841.988)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.809.101.111	6.472.034.968
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(37.925.537.302)	(18.882.473.979)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22.905.838.237)	19.806.419.293
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12, VII	(22.825.026.445)	(26.334.320.426)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	800.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(3.582.416.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13	(11.742.320.240)	(14.248.504.871)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	5.871.244.867	5.754.184.785
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31.478.517.818)	(34.828.640.512)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	802.549.733.029	717.598.873.841
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(731.796.944.013)	(668.640.125.385)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(23.764.316.654)	(2.558.776.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		46.988.472.362	46.399.972.456
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(7.395.883.693)	31.377.751.237
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	148.450.977.655	116.983.609.712
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(24.462.416)	89.616.706
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	141.030.631.546	148.450.977.655


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hoà, ngày 08 tháng 4 năm 2012




Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần thiết bị điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
- Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao hạ áp, dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao hạ áp, thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện.
- Tổng số các công ty con** : 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	51%	51%

6. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Lý do</u>
Công ty liên doanh Thibidi (Cambodia)	Lô P1-003, Đặc khu kinh tế Phnom Penh, đường số 4, quận Angsnuol, tỉnh Kandal, Campuchia	Chưa có Báo cáo tài chính

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 622 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 548 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (công ty mẹ) và Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

744
TY
HỮU
ẤN
ẤN
CX

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn. Tỷ lệ trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: Ngày 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
Ngày 31/12/2011 : 20.828 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do các Công ty trong Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	724.209.256	884.154.986
Tiền gửi ngân hàng	45.306.422.290	56.566.822.669
Các khoản tương đương tiền (*)	95.000.000.000	91.000.000.000
Cộng	<u>141.030.631.546</u>	<u>148.450.977.655</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Cho Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd. vay với lãi suất 3,5%/năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	81.244.554.369	63.950.196.015
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	16.752.288.217	15.567.709.032
Cộng	<u>97.996.842.586</u>	<u>79.517.905.047</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	35.089.606.544	17.134.928.399
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	39.010.280	9.864.506.354
Cộng	<u>35.128.616.824</u>	<u>26.999.434.753</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Công đoàn tiền vay mua cổ phần	2.079.125.578	2.033.126.755
Thuế thu nhập cá nhân phải thu lại người lao động	3.310.747.556	2.019.101.641
Lãi tiền gửi dự thu	538.285.199	248.395.833
Các khoản phải thu khác	53.318.871	404.382.743
Cộng	<u>5.981.477.204</u>	<u>4.705.006.972</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	10.501.005.392
Trích lập dự phòng bổ sung	1.596.626.118
Số cuối năm	<u>12.097.631.510</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	741.185.208	463.341.768
Nguyên liệu, vật liệu	192.922.377.719	203.104.742.226
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.799.968.752	47.059.642.591
Thành phẩm	123.575.669.279	102.272.897.279
Hàng hóa	17.045.934.367	33.186.126.004
Cộng	<u>382.085.135.325</u>	<u>386.086.749.868</u>

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt và Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	4.929.778.984
Hoàn nhập dự phòng	(2.293.741.433)
Số cuối năm	<u>2.636.037.551</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	2.204.735.255	4.886.994.994
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.655.695.974	1.458.007.643
Tài sản thiếu chờ xử lý	231.128.134	180.854.434
Cộng	<u>4.091.559.363</u>	<u>6.525.857.071</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	51.520.219.258	84.011.402.549	13.357.294.137	5.206.617.885	154.095.533.829
Mua trong năm	5.840.514.564	3.496.182.799	2.561.035.600	994.166.746	12.891.899.709
Số cuối năm	57.360.733.822	87.507.585.348	15.918.329.737	6.200.784.631	166.987.433.538
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.520.692.574	43.246.916.471	4.567.876.834	2.639.189.203	51.974.675.082
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	21.703.937.898	50.933.407.928	7.308.088.650	4.021.681.497	83.967.115.973
Khấu hao trong năm	3.350.132.950	9.398.484.341	1.581.668.612	876.410.216	15.206.696.119
Số cuối năm	25.054.070.848	60.331.892.269	8.889.757.262	4.898.091.713	99.173.812.092
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	29.816.281.360	33.077.994.621	6.049.205.487	1.184.936.388	70.128.417.856
Số cuối năm	32.306.662.974	27.175.693.079	7.028.572.475	1.302.692.918	67.813.621.446
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 159.131.251.867 VND và 60.960.407.744 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Chi phí đền bù	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	788.188.000	363.814.725	20.062.475	1.172.065.200
Mua sắm mới	-	122.850.000	-	122.850.000
Thanh lý, nhượng bán	(788.188.000)	-	-	(788.188.000)
Số cuối năm	-	486.664.725	20.062.475	506.727.200
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	256.630.725	20.062.475	276.693.200
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	327.754.799	20.062.475	347.817.274
Khấu hao trong năm	-	26.795.996	-	26.795.996
Số cuối năm	-	354.550.795	20.062.475	374.613.270
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	788.188.000	36.059.926	-	824.247.926
Số cuối năm	-	132.113.930	-	132.113.930
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua đất thuộc dự án khu đô thị mới tại An Phú – An Khánh. Hiện tại Công ty đã nhận bàn giao lô đất từ người bán nhưng chưa hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

13. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 385/BKH-ĐTRNN ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh Thibidi (Cambodia) USD 1,200,000 tương đương 100,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ USD 1,200,000.

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần điện cơ Hà Nội	100.000	1.002.000.000	100.000	1.002.000.000
Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam	50.000	1.000.000.000	50.000	1.000.000.000
Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam	200.000	2.100.000.000	200.000	2.100.000.000
Cộng		4.102.000.000		4.102.000.000

15. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	3.918.287.687
Tăng trong năm	5.545.580.889
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(3.962.805.904)
Số cuối năm	5.501.062.672

16. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	2.874.657.057
Phát sinh trong năm	1.007.193.002
Số cuối năm	3.881.850.059

17. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ làm đại lý bán hàng.

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	373.495.880.704	288.111.859.296
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa ^(a)	271.942.756.820	249.532.353.886
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(b)	101.553.123.884	31.308.551.701
Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	-	7.270.953.709
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	62.112.900.693	76.113.753.806
Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam ^(c)	45.520.000.000	64.000.000.000
Các cá nhân khác ^(d)	16.592.900.693	12.113.753.806
Cộng	435.608.781.397	364.225.613.102

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa với lãi suất từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7 và V.10).
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7).
- (c) Khoản vay Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam với lãi suất từ 14 – 15%/năm tùy theo thời điểm trong năm.
- (d) Khoản vay các cá nhân với lãi suất 13,5 – 15%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	288.111.859.296	774.628.172.057	(689.180.523.169)	(63.627.480)	373.495.880.704
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	76.113.753.806	27.921.560.972	(42.616.420.844)	694.006.759	62.112.900.693
Cộng	364.225.613.102	802.549.733.029	(731.796.944.013)	630.379.279	435.608.781.397

19. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	7.092.586.172	19.721.291.840
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	20.108.160.544	65.900.790.993
Cộng	27.200.746.716	85.622.082.833

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	11.060.080.015	22.194.101.536
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	2.373.347.227	891.291.751
Cộng	13.433.427.242	23.085.393.287

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.786.327.280	22.733.381.761	(17.515.702.468)	11.004.006.573
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	11.016.881.812	(11.016.881.812)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	620.398.535	(620.398.535)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.314.235.928	28.754.808.618	(21.685.545.824)	18.383.498.722
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(1.032.735.790)	6.765.631.414	(5.416.078.423)	316.817.201
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Cộng	16.067.827.418	69.900.102.140	(56.263.607.062)	29.704.322.496

- (*) Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa đầu năm được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu 0%
- Thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, xây dựng cung ứng nội địa 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Lương phải trả cho nhân viên.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	4.411.664.077	2.415.127.009
Chi phí thuê xe	-	213.553.500
Chi phí lãi vay	5.055.944.542	1.391.470.002
Chi phí phải trả khác	2.320.223.593	783.622.464
Cộng	<u>11.787.832.212</u>	<u>4.803.772.975</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	1.139.273.242	1.432.394.548
Kinh phí công đoàn	1.374.589.416	1.184.008.445
Cổ tức phải trả	15.636.627.944	210.380.758
Kinh phí hoạt động Đảng	1.154.871.681	879.009.805
Các khoản phải trả khác	2.222.553.468	194.725.453
Cộng	<u>21.527.915.751</u>	<u>3.900.519.009</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	(1.296.313.236)	24.071.333.333	(24.014.416.764)	(1.239.396.667)
Quỹ phúc lợi	(454.443.142)	3.285.666.667	(1.470.154.703)	1.361.068.822
Cộng	<u>(1.750.756.378)</u>	<u>27.357.000.000</u>	<u>(25.484.571.467)</u>	<u>121.672.155</u>

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 36.

Cổ tức

Trong năm, Công ty cổ phần thiết bị điện đã chi trả cổ tức như sau:

Trả cổ tức năm trước	18.210.380.758
Tạm ứng cổ tức	5.553.935.896
Cộng	<u>23.764.316.654</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	139.264	139.264
- Cổ phiếu phổ thông	139.264	139.264
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.860.736	11.860.736
- Cổ phiếu phổ thông	11.860.736	11.860.736
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.290.975.419.227	1.112.581.784.198
- Doanh thu bán thành phẩm	1.191.038.267.274	946.020.302.539
- Doanh thu bán vật tư	86.785.552.368	9.300.094.240
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.783.332.821	136.204.738.711
- Doanh thu bán hàng hóa	-	13.032.211.292
- Doanh thu hoạt động xây dựng	11.368.266.764	7.356.315.018
- Doanh thu khác	-	668.122.398
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.397.289.388)	(1.224.000.000)
- Hàng bán bị trả lại	(1.397.289.388)	(1.224.000.000)
Doanh thu thuần	<u>1.289.578.129.839</u>	<u>1.111.357.784.198</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.189.640.977.886	946.020.302.539
- Doanh thu thuần bán vật tư	86.785.552.368	9.300.094.240
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.783.332.821	134.980.738.711
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	13.032.211.292
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	11.368.266.764	7.356.315.018
- Doanh thu thuần khác	-	668.122.398

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	939.015.168.451	773.266.543.207
Giá vốn của vật tư đã cung cấp	83.705.112.334	6.808.674.919
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.059.142	2.471.285.932
Giá vốn của hàng hóa	-	111.479.178.903
Giá vốn của hoạt động xây dựng	10.848.544.763	7.021.888.241
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.293.741.433)	4.929.778.984
Cộng	<u>1.031.317.143.257</u>	<u>905.977.350.186</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.841.234.233	5.952.580.618
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.063.168.339	1.621.049.296
Lãi ký quỹ và chiết khấu thanh toán	1.555.887.645	940.711.475
Cổ tức, lợi nhuận được chia	319.900.000	50.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	324.292.463	893.210.975
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.291.828	46.685.118
Cộng	<u>10.143.774.508</u>	<u>9.504.237.482</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	58.825.455.268	38.019.213.630
Lãi mua hàng trả chậm	-	2.257.447.836
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	569.653.471	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.403.538.782	2.743.028.469
Chi phí khác	229.768.374	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	1.843.480
Cộng	<u>67.028.415.895</u>	<u>43.021.533.415</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	10.734.860.689	4.749.293.324
Chi phí khấu hao tài sản cố định	447.986.945	560.204.890
Chi phí chiết khấu bán hàng	26.912.423.934	23.265.330.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.453.176.091	3.360.675.914
Chi phí khác	10.873.088.831	9.340.067.851
Cộng	<u>53.421.536.490</u>	<u>41.275.572.319</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	16.595.560.157	14.162.135.166
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.600.553.014	1.362.585.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.726.173.692	2.245.140.761
Thuế, phí và lệ phí	4.344.070.411	1.758.848.856
Chi phí dự phòng	965.306.996	352.385.400
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	3.982.436.823	3.470.686.046
Chi phí khác	19.042.241.943	12.947.831.886
Cộng	<u>49.256.343.036</u>	<u>36.299.613.422</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	800.000.000	-
Các khoản nợ không xác định được chủ	210.544.237	-
Thu nhập khác	466.867.975	180.158.541
Cộng	<u>1.477.412.212</u>	<u>180.158.541</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	788.188.000	-
Chi phí khác	131.033.504	13.996.874
Cộng	<u>919.221.504</u>	<u>13.996.874</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	196.793.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.007.193.002)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(141.783.640)	-
Cộng	<u>(1.148.976.642)</u>	<u>196.793.930</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.439.691.839	57.531.538.985
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.439.691.839	57.531.538.985
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.860.736	11.973.263
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.843</u>	<u>4.805</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Tập đoàn đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 5.289.723.264 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.5 đến VIII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do các công ty trong Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần thiết bị điện và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần thiết bị điện trong năm là 1.296.280.400 VND (năm trước là 1.090.390.336 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam - Cổ đông đại diện vốn Nhà nước nắm giữ 64% vốn điều lệ.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa	3.286.408.188	13.780.083.353
Mua hàng hóa	39.101.727.070	24.468.119.100
Tiền vay phát sinh trong năm	11.520.000.000	-
Lãi vay phải trả trong năm	11.605.344.445	8.239.833.333

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền hàng	2.452.524.949	-
Tiền vay phải trả	60.520.000.000	79.000.000.000
Tiền lãi vay phải trả	4.040.900.000	855.833.333
Cộng nợ phải trả	<u>67.013.424.949</u>	<u>79.855.833.333</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa.
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 37 đến trang 38.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn trong năm 2011 hầu hết diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê đất và phí sử dụng hạ tầng sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	689.096.893	279.133.320
Trên 01 năm đến 05 năm	1.505.569.590	1.116.533.281
Trên 05 năm	10.961.721.480	10.133.686.652
Cộng	<u>13.156.387.963</u>	<u>11.529.353.253</u>

Công ty cổ phần thiết bị điện thuê 34.994,9 m² đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đã được ký với Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Biên Hòa có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2001 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất là 800 đồng/m²/năm và phí sử dụng hạ tầng là 0,4 USD/m²/năm.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.030.631.546	148.450.977.655	141.030.631.546	148.450.977.655
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.102.000.000	4.102.000.000	4.102.000.000	4.102.000.000
Phải thu khách hàng	85.899.211.076	69.016.899.655	85.899.211.076	69.016.899.655
Các khoản cho vay	3.582.416.000	-	3.582.416.000	-
Các khoản phải thu khác	18.841.908.433	20.050.009.609	18.841.908.433	20.050.009.609
Cộng	<u>253.456.167.055</u>	<u>241.619.886.919</u>	<u>253.456.167.055</u>	<u>241.619.886.919</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	27.200.746.716	85.622.082.833	27.200.746.716	85.622.082.833
Vay và nợ	435.608.781.397	364.225.613.102	435.608.781.397	364.225.613.102
Phải trả người lao động	36.409.986.184	35.630.578.671	36.409.986.184	35.630.578.671
Chi phí phải trả	11.787.832.212	4.803.772.975	11.787.832.212	4.803.772.975
Các khoản phải trả khác	20.388.642.504	2.468.124.461	20.388.642.504	2.468.124.461
Cộng	<u>532.578.625.853</u>	<u>493.485.077.093</u>	<u>532.578.625.853</u>	<u>493.485.077.093</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.7 và V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>
Số cuối năm	
Hàng tồn kho	379.449.097.774
Tài sản cố định hữu hình	60.960.407.744
Cộng	<u>440.409.505.518</u>
Số đầu năm	
Hàng tồn kho	381.156.970.884
Tài sản cố định hữu hình	68.503.026.663
Cộng	<u>449.659.997.547</u>

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Các công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho công ty con vay tiền. Tập đoàn đánh giá khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến công ty con có khả năng thanh toán tốt.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	435.608.781.397	-	-	435.608.781.397
Phải trả cho người bán	27.200.746.716	-	-	27.200.746.716
Phải trả người lao động	36.409.986.184	-	-	36.409.986.184
Chi phí phải trả	11.787.832.212	-	-	11.787.832.212
Các khoản phải trả khác	20.388.642.504	1.182.636.840	-	21.571.279.344
Cộng	531.395.989.013	1.182.636.840	-	532.578.625.853
Số đầu năm				
Vay và nợ	364.225.613.102	-	-	364.225.613.102
Phải trả cho người bán	85.622.082.833	-	-	85.622.082.833
Phải trả người lao động	35.630.578.671	-	-	35.630.578.671
Chi phí phải trả	4.803.772.975	-	-	4.803.772.975
Các khoản phải trả khác	2.468.124.461	734.905.051	-	3.203.029.512
Cộng	492.750.172.042	734.905.051	-	493.485.077.093

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ đáng kể do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
Tăng	+ 02	(6.480.395.481)
Giảm	- 02	6.480.395.481
Năm trước		
Tăng	+ 02	(5.463.384.197)
Giảm	- 02	5.463.384.197

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	(2.201.151.170)	456.393.043	1.564.869.848	-	20.611.747.377	141.981.719.345
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	57.531.538.985	57.531.538.985
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	3.769.975.136	5.155.450.102	229.500.000	(17.016.074.690)	(7.861.149.452)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(2.372.147.200)	(2.372.147.200)
Chi thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	-	-	(265.296.173)	(265.296.173)
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	1.549.860.247	(2.201.151.170)	4.226.368.179	6.720.319.950	229.500.000	58.369.768.299	188.894.665.505
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	(2.201.151.170)	4.226.368.179	6.720.319.950	229.500.000	58.369.768.299	188.894.665.505
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	57.439.691.839	57.439.691.839
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	2.548.000.000	5.403.000.000	204.000.000	(26.300.000.000)	(18.145.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(39.190.563.840)	(39.190.563.840)
Chi thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	-	-	(202.034.710)	(202.034.710)
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	(2.201.151.170)	6.774.368.179	12.123.319.950	433.500.000	49.828.861.588	188.508.758.794



Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2012




Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Sản xuất máy biến áp</u>	<u>Kinh doanh hàng hóa</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.189.640.977.886	86.785.552.368	13.151.599.585	1.289.578.129.839
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.189.640.977.886	86.785.552.368	13.151.599.585	1.289.578.129.839
Chi phí bộ phận	936.721.427.018	83.705.112.334	10.890.603.905	1.031.317.143.257
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	252.919.550.868	3.080.440.034	2.260.995.680	258.260.986.582
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(102.677.879.526)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				155.583.107.056
Doanh thu hoạt động tài chính				10.143.774.508
Chi phí tài chính				(67.028.415.895)
Thu nhập khác				1.477.412.212
Chi phí khác				(919.221.504)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(28.754.808.618)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				1.148.976.642
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				71.650.824.401
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	946.020.302.539	134.980.738.711	30.356.742.948	1.111.357.784.198
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	946.020.302.539	134.980.738.711	30.356.742.948	1.111.357.784.198
Chi phí bộ phận	773.752.928.152	111.479.178.903	20.745.243.131	905.977.350.186
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	172.267.374.387	23.501.559.808	9.611.499.817	205.380.434.012
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(77.575.185.741)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				127.805.248.271
Doanh thu hoạt động tài chính				9.504.237.482
Chi phí tài chính				(43.021.533.415)
Thu nhập khác				180.158.541
Chi phí khác				(13.996.874)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(24.219.567.609)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(196.793.930)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				70.037.752.466
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2012

Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

